

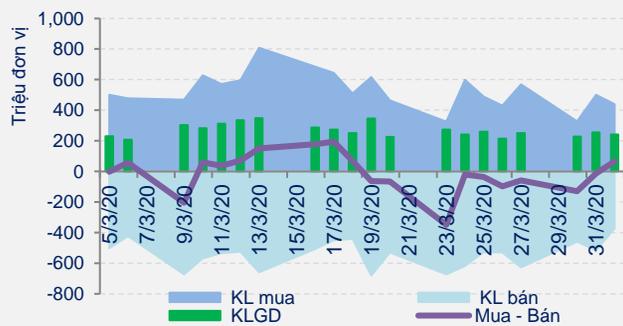
MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 1/4/2020

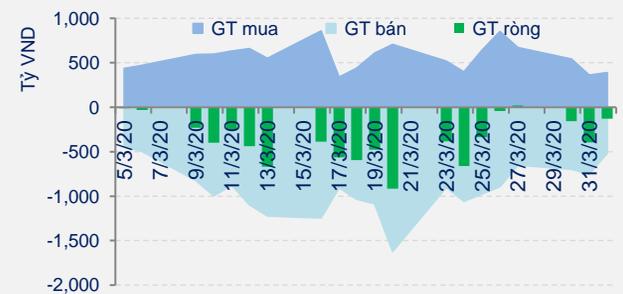
| Thông kê thị trường | HOSE | HNX |
|---------------------|-------------|------------|
| Index | 680.23 | 95.61 |
| % Thay đổi | ↑ 2.67% | ↑ 3.21% |
| KLGD (CP) | 240,958,716 | 36,502,909 |
| GTGD (tỷ đồng) | 3,195.64 | 325.76 |
| Tổng cung (CP) | 372,263,610 | 52,921,400 |
| Tổng cầu (CP) | 439,136,560 | 66,466,400 |

| Giao dịch NĐTNN | HOSE | HNX |
|-------------------|------------|-----------|
| KL bán (CP) | 27,597,020 | 1,675,700 |
| KL mua (CP) | 18,566,150 | 85,400 |
| GT mua (tỷ đồng) | 389.24 | 0.79 |
| GT bán (tỷ đồng) | 516.43 | 15.78 |
| GT ròng (tỷ đồng) | (127.20) | (14.99) |

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



| Ngành Cấp 1 | % thay đổi | P/E | P/B | %GTGD |
|---------------------|------------|------|-----|--------|
| Công nghệ Thông tin | ↑ 2.60% | 9.6 | 1.8 | 2.1% |
| Công nghiệp | ↑ 1.24% | 9.8 | 1.9 | 23.7% |
| Dầu khí | ↑ 6.24% | 8.5 | 1.3 | 2.7% |
| Dịch vụ Tiêu dùng | ↑ 2.79% | 12.2 | 3.0 | 5.2% |
| Dược phẩm và Y tế | ↑ 0.53% | 11.5 | 2.0 | 0.9% |
| Hàng Tiêu dùng | ↑ 2.01% | 12.9 | 3.4 | 10.6% |
| Ngân hàng | ↑ 4.39% | 8.0 | 1.7 | 28.1% |
| Nguyên vật liệu | ↑ 1.87% | 11.0 | 1.5 | 8.6% |
| Tài chính | ↑ 1.75% | 12.7 | 2.7 | 15.7% |
| Tiện ích Cộng đồng | ↑ 2.14% | 8.9 | 1.7 | 2.4% |
| VN - Index | ↑ 2.67% | 10.3 | 2.4 | 104.8% |
| HNX - Index | ↑ 3.21% | 8.0 | 1.3 | -4.8% |

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường hồi phục khá mạnh trong phiên hôm nay với thanh khoản có sự suy giảm. Cụ thể, kết thúc phiên giao dịch, VN-Index tăng 17,7 điểm (+2,67%) lên 680,23 điểm; HNX-Index tăng 2,97 điểm (+3,21%) lên 95,61 điểm. Thanh khoản trên hai sàn suy giảm so với phiên trước đó và thấp hơn mức trung bình 20 phiên với giá trị giao dịch đạt 4.160 tỷ đồng tương ứng với khối lượng giao dịch là 303 triệu cổ phiếu, trong đó giao dịch thỏa thuận chiếm tới 1.772 tỷ đồng. Độ rộng thị trường là tích cực với 450 mã tăng, 93 mã tham chiếu, 181 mã giảm. Thị trường giảm điểm vào đầu phiên nhưng lực cầu gia tăng ngay sau đó đã giúp các chỉ số hồi phục lên sắc xanh và đà tăng được duy trì cho đến hết phiên. Nhóm cổ phiếu trụ cột thu hút được dòng tiền và phần lớn đều kết phiên tăng giá, có thể kể đến như VCB (+4,8%), VIC (+3,1%), VNM (+3,3%), BID (+4,1%), CTG (+6,4%), GAS (+2,4%), TCB (+3,3%), VJC (+2,1%), MSN (+0,4%)... Trên sàn HNX, các trụ cột như ACB (+4,5%), SHB (+5,7%), VCS (+3%), PVI (+4%), PVS (+4,4%)... tăng giá giúp chỉ số HNX-Index hồi phục sau bốn phiên giảm liên tiếp. Cổ phiếu chứng khoán hồi phục với nhiều mã tăng mạnh, thậm chí tăng trần như SSI (+6,9%), HCM (+6,7%), SHS (+7%), VCI (+2,1%), BVS (+2,5%)...

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

VN-Index hồi phục khá mạnh trong phiên hôm nay nhưng với thanh khoản khớp lệnh suy giảm cho thấy đây nhiều khả năng là một phiên hồi kỹ thuật và thị trường có thể điều chỉnh trở lại khi tiến dần đến ngưỡng kháng cự tâm lý mạnh 700 điểm trong các phiên tới. Khối ngoại duy trì đà bán ròng nhưng với hơn 140 tỷ đồng trên hai sàn là điểm nhấn tiêu cực. Trên thị trường phái sinh, hợp đồng tương lai VN30 tháng 4 hồi phục yếu hơn so với chỉ số cơ sở VN30, qua đó nới rộng mức basis âm lên thành 38,79 điểm, cho thấy nhà đầu tư nghiêng về khả năng thị trường sẽ sớm giảm mạnh trở lại. Tình hình đại dịch Covid-19 trên toàn cầu và tại Việt Nam tiếp tục là tin tức nóng bỏng nhất vào thời điểm hiện tại và diễn biến thị trường sau khi quay trở lại giao dịch sẽ phục thuộc khá nhiều vào tin tức này trong ngày nghỉ lễ sắp tới. Dự báo, trong phiên giao dịch cuối tuần 3/4, VN-Index có thể sẽ giảm điểm trở lại với ngưỡng hỗ trợ mạnh quanh 640 điểm (trendline nối các đáy từ đầu 2009 đến nay). Nhà đầu tư đang có tỷ trọng cổ phiếu cao nên canh những nhịp hồi phục lên ngưỡng kháng cự 700 điểm để hạ dần tỷ trọng. Đối với những nhà đầu tư có tỷ trọng tiền mặt lớn và khẩu vị rủi ro cao có thể canh những nhịp giảm về ngưỡng hỗ trợ mạnh quanh 640 điểm để bắt đáy thăm dò.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 1/4/2020

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index giảm nhẹ vào đầu phiên giao dịch, với mức thấp nhất trong phiên tại 657,41 điểm. Nhưng ngay sau đó, lực cầu gia tăng giúp chỉ số hồi lên sắc xanh, với mức cao nhất trong phiên tại 684,96 điểm. Kết phiên, VN-Index tăng 17,7 điểm (+2,67%) lên 680,23 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: VCB tăng 3.000 đồng, VIC tăng 2.600 đồng, VNM tăng 3.000 đồng. Ở chiều ngược lại, TPB giảm 950 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index giảm điểm vào đầu phiên giao dịch, với mức thấp nhất trong phiên tại 89,7 điểm. Ngay sau đó, cầu gia tăng giúp chỉ số hồi lên sắc xanh, với mức cao nhất trong phiên tại 95,912 điểm. Kết phiên, HNX-Index tăng 2,97 điểm (+3,21%) lên 95,61 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: ACB tăng 800 đồng, SHB tăng 700 đồng, VCS tăng 1.600 đồng. Ở chiều ngược lại, VIF giảm 1.600 đồng.

GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 127,17 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 8,4 triệu cổ phiếu. MSN là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 38,1 tỷ đồng tương ứng với 770 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là HVN với 18,9 tỷ đồng tương ứng với 1,05 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, CTG là mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với 6,8 tỷ đồng tương ứng với 372 nghìn cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 15,02 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 1,6 triệu cổ phiếu. PVS là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 14,1 tỷ đồng tương ứng với 1,5 triệu cổ phiếu, tiếp theo là VHL với 514 triệu đồng tương ứng với 25,9 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, VCS là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 174 triệu đồng tương ứng với 3,2 nghìn cổ phiếu.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ - ĐẦU TƯ

PMI tháng 3 giảm xuống 41.9 điểm, mức thấp kỷ lục do ảnh hưởng của Covid-19

Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng (Purchasing Managers' Index - PMI) ngành sản xuất Việt Nam giảm mạnh từ 49.0 điểm của tháng 2 về 41.9 điểm trong tháng 3. Dữ liệu mới nhất báo hiệu mức giảm mạnh của sức khỏe lĩnh vực sản xuất và là kết quả đáng chú ý nhất trong hơn 9 năm thu thập dữ liệu. Mức độ giảm mạnh hơn mức kỷ lục được ghi nhận trong tháng 7/2012.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index hồi phục khá mạnh trong phiên hôm nay nhưng chỉ số vẫn kết phiên dưới ngưỡng 700 điểm, khối lượng khớp lệnh suy giảm so với phiên trước đó và thấp hơn mức trung bình 20 phiên với 203 triệu cổ phiếu. Tín hiệu kỹ thuật ngắn hạn của chỉ số là tiêu cực với ngưỡng kháng cự tại 740 điểm (MA20). Tín hiệu kỹ thuật trung hạn của chỉ số là tiêu cực với ngưỡng kháng cự tại 850 điểm (MA50). Về xu hướng dài hạn, VN-Index hiện vận động trong thị trường giá xuống (bear market) với ngưỡng kháng cự tại 940 điểm (MA200). Dự báo, trong phiên giao dịch cuối tuần 3/4, VN-Index có thể sẽ giảm điểm trở lại với ngưỡng hỗ trợ mạnh quanh 640 điểm (trendline nối các đáy từ đầu 2009 đến nay).

HNX-Index:



HNX-Index hồi phục khá mạnh sau bốn phiên giảm liên tiếp và chỉ số hiện kết phiên trong vùng 94-96 điểm, khối lượng khớp lệnh suy giảm so với phiên trước đó và thấp hơn mức trung bình 20 phiên với 33 triệu cổ phiếu. Tín hiệu kỹ thuật ngắn hạn của chỉ số là tiêu cực với ngưỡng kháng cự tại 101 điểm (MA20). Tín hiệu kỹ thuật trung hạn của chỉ số là tiêu cực với ngưỡng kháng cự tại 104,5 điểm (MA50). Về xu hướng dài hạn, HNX-Index hiện vận động trong thị trường giá xuống (bear market) với ngưỡng kháng cự tại 104 điểm (MA200). Dự báo, trong phiên giao dịch cuối tuần 3/4, HNX-Index có thể sẽ giảm điểm trở lại với ngưỡng hỗ trợ tâm lý gần nhất quanh 90 điểm.



TIN TRONG NƯỚC

Giá vàng trong nước giảm Tại thời điểm 15 giờ, vàng SJC tại DOJI được niêm yết ở mức 46,5 - 47,5 triệu đồng/lượng (mua vào - bán ra), giảm 100.000 đồng/lượng ở cả hai chiều mua vào và bán ra.

Tỷ giá trung tâm giảm 3 đồng Ngày 1/4, Ngân hàng Nhà nước công bố tỷ giá trung tâm của đồng Việt Nam với đô la Mỹ ở mức: 23.232 đồng (giảm 3 đồng).

TIN THẾ GIỚI

Giá vàng thế giới tăng Tại thời điểm 15 giờ, giá vàng thế giới tăng 9,8 USD/ounce tương ứng với 0,61% xuống 1.606,4 USD/ounce.

Tỷ giá ngoại tệ: USD tăng Tính tới 15 giờ, chỉ số USD Index (DXY) tăng 0,668 điểm tương ứng 0,67% lên 99,760 điểm. USD tăng so với EUR lên: 1 EUR đổi 1,0928 USD. USD tăng so với GBP lên: 1 GBP đổi 1,2360 USD. USD tăng so với JPY lên: 1 USD đổi 107,56 JPY.

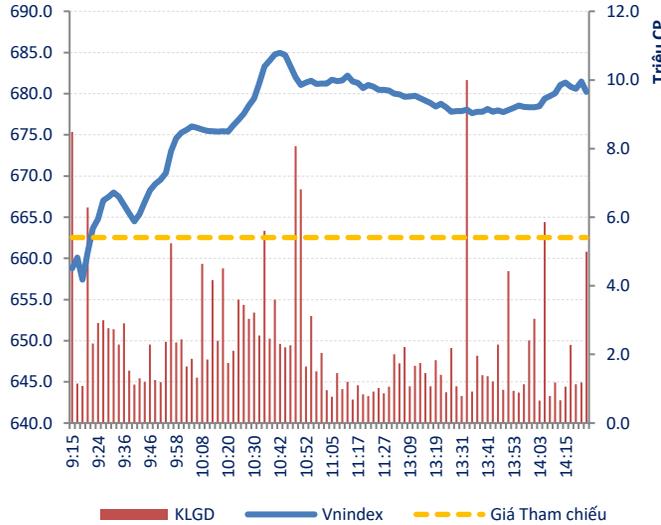
Giá dầu thế giới giảm Tại thời điểm 15 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI giảm 0,28 USD tương ứng 1,37% xuống 20,2 USD/thùng.

Chứng khoán Mỹ giảm điểm Kết thúc phiên giao dịch ngày 31/3, chỉ số Dow Jones giảm 410,32 điểm tương ứng 1,84% xuống 21.917,16 điểm; chỉ số Nasdaq giảm 74,05 điểm tương ứng 0,95% xuống 7.700,1 điểm; chỉ số S&P 500 giảm 42,06 điểm tương ứng 1,6% xuống 2.584,59 điểm.

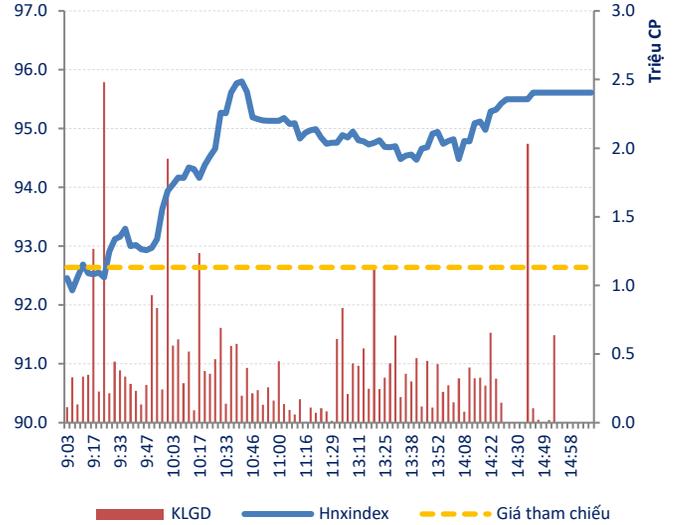


THÔNG KÊ GIAO DỊCH

KLGD và VN-Index trong phiên



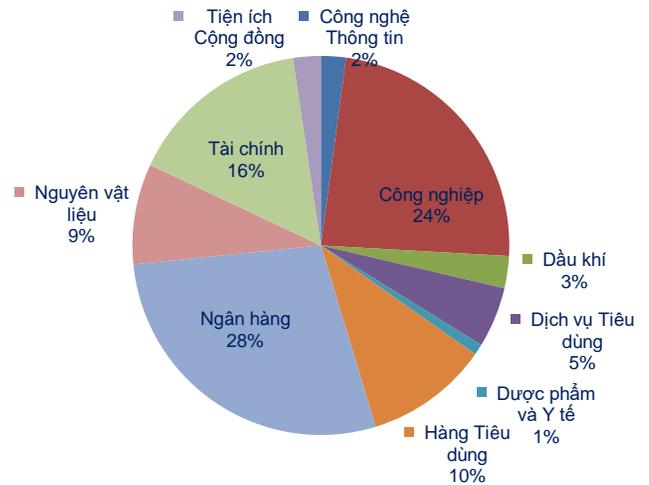
KLGD và HNX-Index trong phiên



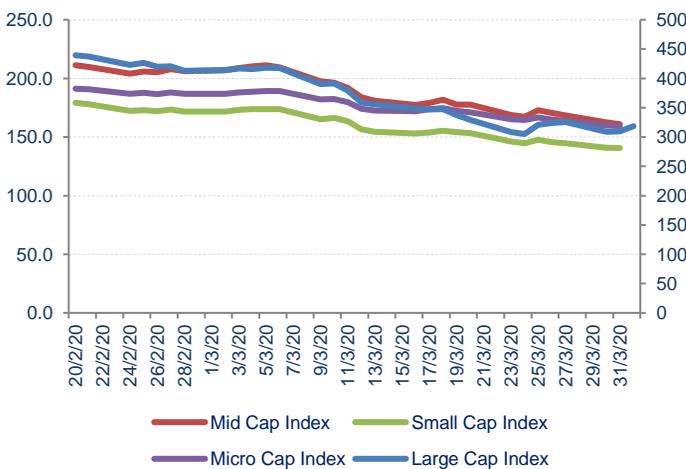
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



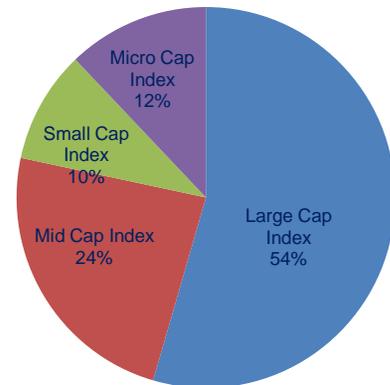
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|-------|-------------|-------|-------------|
| 1 | DLG | 427,410 | ROS | 3,003,570 |
| 2 | CTG | 371,890 | HVN | 1,050,420 |
| 3 | HPG | 327,320 | DXG | 1,022,610 |
| 4 | LDG | 287,660 | HBC | 1,014,320 |
| 5 | HSG | 211,170 | MSN | 770,320 |

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|-------|-------------|-------|-------------|
| 1 | SD6 | 20,300 | PVS | 1,508,000 |
| 2 | LAS | 9,900 | SHS | 74,700 |
| 3 | AMV | 7,000 | VHL | 25,900 |
| 4 | VC3 | 6,400 | SHB | 20,300 |
| 5 | ICG | 4,000 | THT | 9,700 |

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | % | KLGD |
|-----|------------|----------|---------|------------|
| ROS | 3.26 | 3.48 | ↑ 6.75% | 19,420,900 |
| LDG | 4.15 | 4.16 | ↑ 0.24% | 18,753,660 |
| FLC | 2.48 | 2.65 | ↑ 6.85% | 14,085,950 |
| EIB | 14.65 | 15.20 | ↑ 3.75% | 13,866,880 |
| HAI | 2.58 | 2.76 | ↑ 6.98% | 11,814,890 |

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | % | KLGD |
|-----|------------|----------|---------|-----------|
| KLF | 1.40 | 1.50 | ↑ 7.14% | 4,571,061 |
| SHB | 12.20 | 12.90 | ↑ 5.74% | 4,411,573 |
| ACB | 17.80 | 18.60 | ↑ 4.49% | 4,261,228 |
| PVS | 9.00 | 9.40 | ↑ 4.44% | 3,625,814 |
| MBG | 5.20 | 5.70 | ↑ 9.62% | 2,785,200 |

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|------|---------|
| NVT | 4.00 | 4.28 | 0.28 | ↑ 7.00% |
| HQC | 1.00 | 1.07 | 0.07 | ↑ 7.00% |
| TSC | 1.86 | 1.99 | 0.13 | ↑ 6.99% |
| STB | 7.30 | 7.81 | 0.51 | ↑ 6.99% |
| DPM | 11.45 | 12.25 | 0.80 | ↑ 6.99% |

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|------|----------|
| ACM | 0.40 | 0.50 | 0.10 | ↑ 25.00% |
| HKB | 0.50 | 0.60 | 0.10 | ↑ 20.00% |
| SPI | 0.70 | 0.80 | 0.10 | ↑ 14.29% |
| PVX | 0.70 | 0.80 | 0.10 | ↑ 14.29% |
| HHG | 0.90 | 1.00 | 0.10 | ↑ 11.11% |

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|-------|----------|
| DHM | 4.29 | 3.99 | -0.30 | ↓ -6.99% |
| RIC | 4.59 | 4.27 | -0.32 | ↓ -6.97% |
| SBV | 9.49 | 8.83 | -0.66 | ↓ -6.95% |
| PTC | 4.60 | 4.28 | -0.32 | ↓ -6.96% |
| LAF | 8.78 | 8.17 | -0.61 | ↓ -6.95% |

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|-------|-----------|
| SPP | 0.90 | 0.80 | -0.10 | ↓ -11.11% |
| MPT | 0.90 | 0.80 | -0.10 | ↓ -11.11% |
| VSA | 14.00 | 12.60 | -1.40 | ↓ -10.00% |
| TTC | 12.10 | 10.90 | -1.20 | ↓ -9.92% |
| LM7 | 8.10 | 7.30 | -0.80 | ↓ -9.88% |

(*) Giá điều chỉnh



Top KLGD lớn nhất HOSE

| Mã | KLGD | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------------|---------|-------|------|-----|
| ROS | 19,420,900 | 3.0% | 314 | 11.1 | 0.3 |
| LDG | 18,753,660 | 3250.0% | 2,520 | 1.7 | 0.3 |
| FLC | 14,085,950 | 2.8% | 401 | 6.6 | 0.2 |
| EIB | 13,866,880 | 5.7% | 704 | 21.6 | 1.2 |
| HAI | 11,814,890 | 0.4% | 49 | 56.0 | 0.3 |

Top KLGD lớn nhất HNX

| Mã | KLGD | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|-----------|-------|-------|-------|-----|
| KLF | 4,571,061 | 0.1% | 8 | 176.7 | 0.1 |
| SHB | 4,411,573 | 14.0% | 1,636 | 7.9 | 1.0 |
| ACB | 4,261,228 | 24.6% | 3,693 | 5.0 | 1.1 |
| PVS | 3,625,814 | 6.7% | 1,777 | 5.3 | 0.4 |
| MBG | 2,785,200 | 4.6% | 451 | 12.6 | 0.5 |

Top Đột biến giá HOSE

| Mã | +/-% | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|--------|------|-------|-------|-----|
| NVT | ↑ 7.0% | 6.7% | 296 | 14.5 | 1.4 |
| HQC | ↑ 7.0% | 1.0% | 87 | 12.2 | 0.1 |
| TSC | ↑ 7.0% | 0.1% | 9 | 212.1 | 0.2 |
| STB | ↑ 7.0% | 9.6% | 1,361 | 5.7 | 0.5 |
| DPM | ↑ 7.0% | 4.6% | 965 | 12.7 | 0.6 |

Top Đột biến giá HNX

| Mã | +/-% | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|--------|-------|-------|-----|
| ACM | ↑ 25.0% | 0.0% | 2 | 212.7 | 0.1 |
| HKB | ↑ 20.0% | 0.5% | 41 | 14.7 | 0.1 |
| SPI | ↑ 14.3% | 0.1% | 9 | 89.6 | 0.1 |
| PVX | ↑ 14.3% | -11.6% | (496) | - | 1.1 |
| HHG | ↑ 11.1% | 0.1% | 15 | 67.9 | 0.1 |

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

| Mã | KL mua | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|-----|-----|
| DLG | 427,410 | 3.0% | 350 | 4.2 | 0.1 |
| CTG | 371,890 | 13.1% | 2,541 | 7.2 | 0.9 |
| HPG | 327,320 | 17.0% | 2,726 | 6.3 | 1.0 |
| LDG | 287,660 | 21.2% | 2,520 | 1.7 | 0.3 |
| HSG | 211,170 | 9.0% | 1,157 | 4.2 | 0.4 |

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

| Mã | KL mua | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|--------|-------|-------|-------|-----|
| SD6 | 20,300 | 1.2% | 163 | 12.3 | 0.1 |
| LAS | 9,900 | 0.2% | 21 | 234.0 | 0.5 |
| AMV | 7,000 | 33.1% | 5,768 | 2.0 | 0.6 |
| VC3 | 6,400 | 12.3% | 1,266 | 12.4 | 1.4 |
| ICG | 4,000 | 4.1% | 722 | 7.9 | 0.3 |

Top Vốn hóa HOSE

| Mã | Vốn hóa | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| VIC | 290,889 | 6.9% | 2,236 | 38.5 | 3.8 |
| VCB | 241,077 | 25.9% | 4,991 | 13.0 | 3.0 |
| VHM | 180,265 | 38.5% | 6,499 | 8.4 | 3.2 |
| VNM | 163,690 | 37.8% | 6,078 | 15.5 | 6.0 |
| BID | 129,107 | 12.7% | 2,377 | 13.5 | 1.7 |

Top Vốn hóa HNX

| Mã | Vốn hóa | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| ACB | 30,811 | 24.6% | 3,693 | 5.0 | 1.1 |
| SHB | 22,644 | 14.0% | 1,636 | 7.9 | 1.0 |
| VCG | 10,866 | 8.8% | 1,548 | 15.9 | 1.6 |
| VCS | 8,736 | 45.6% | 8,958 | 6.1 | 2.5 |
| PVI | 6,540 | 9.3% | 2,849 | 9.9 | 0.9 |

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

| Mã | Beta | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------|--------|---------|------|-----|
| NKG | 2.36 | 1.6% | 260 | 17.8 | 0.3 |
| TCH | 2.09 | 12.3% | 1,527 | 10.9 | 1.3 |
| HVG | 2.06 | -56.0% | (3,382) | - | 2.5 |
| ROS | 1.84 | 3.0% | 314 | 11.1 | 0.3 |
| SBT | 1.70 | 4.9% | 589 | 21.6 | 1.0 |

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

| Mã | Beta | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------|-------|-------|-------|-----|
| MBG | 2.46 | 4.6% | 451 | 12.6 | 0.5 |
| ART | 2.29 | 7.3% | 819 | 2.4 | 0.2 |
| QNC | 2.28 | 86.0% | 2,140 | 1.0 | 0.6 |
| ACM | 2.24 | 0.0% | 2 | 212.7 | 0.1 |
| SHS | 2.15 | 11.2% | 1,347 | 4.5 | 0.5 |



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trường phòng: Ngô Thế Hiển
hien.nth@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, P.Vĩnh Trung
Q.Thanh Khê, Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
